

Thất hổ tướng thời Tây Sơn

1 - Võ Văn Dũng

Sau khi vua Quang Trung mất, Cảnh Thịnh lên ngôi, tuổi còn nhỏ, quyền bính đều ở trong tay Bùi Đắc Tuyên.

Bùi Đắc Tuyên người làng Xuân Hòa, huyện Tuy Viễn, cậu ruột của Cảnh Thịnh. Dưới triều vua Quang Trung, Tuyên nhờ thế em gái là Hoàng hậu Bùi Thị Nhuận nên được làm quan trong triều. Vì ít học, nên chỉ làm Thị Lang Bộ Lễ, nhưng lại được ghép vào nơi cung cấm. Tuyên thường bày nhiều trò chơi để mua lòng Thái Tử Nguyễn Quang Toàn.

Vì vậy, nên sau khi lên ngôi báu, Quang Toàn liền sử dụng Tuyên và đưa lên làm thái sư, bắt chấp cả quan chế đã đặt sẵn. Trong cung đã có Bùi Thái hậu, ngoài triều lại có lắm đại thần nghiêng theo chiều gió như Ngô Văn Sở, Phạm Công Hưng, nên thế lực của Tuyên rất vững. Tuyên mỗi ngày một thêm lòng hành. Các đại thần trung tín đều bất mãn. Một số quan văn kẻ thì tìm cơ già yếu xin về vườn. Kẻ thì bị Tuyên tìm cơ giáng chức hay cách chức. Một số quan võ không về cánh với Tuyên, người thì bị thảm hại, kẻ thì bị đưa đi trấn thủ nơi xa xôi. Ngay những người trước kia theo Tuyên như Ngô Văn Sở, Lê Văn Hưng cũng không chịu nổi hành vi gian ác của Tuyên, nhiều lúc cũng có thái độ bất bình. Tuyên muốn trừ khử khi có dịp. Nhân khi Lê Văn Hưng thắng trận ở Phú Yên, giao thành cho Nguyễn Quang Huy giữ, đem quân về Phú Xuân, Tuyên bắt tội là không thỉnh mệnh trước, có ý muốn làm phản, tâu xin vua chém đầu răn chúng. Vua Cảnh Thịnh y lời, Ngô Văn Sở can nhưng không được, Quan Phụ chánh Trần Văn Kỷ can thiệp, Tuyên nổi giận, giáng chức, đày ra coi trạm Hoàng Giang.

Trần Văn Kỷ nguyên là một danh nhân đất Thuận Hóa, quy thuận nhà Tây Sơn khi Bắc Bình Vương ra Phú Xuân. Được vua Quang Trung trọng dụng, thường đem theo bên trưởng, làm đến chức Trung Thư lệnh. Quang Toàn lên ngôi, Kỷ được làm Phụ chánh.

Sau khi đày Trần Văn Kỷ, Tuyên muốn dứt luôn cái nguy là Võ Văn Dũng, nên sai Ngô Văn Sở ra Bắc Hà thay chức Trấn thủ. Triệu hồi Võ Văn Dũng về Phú Xuân đợi lệnh. Dũng đem quân hộ vệ về đến Hoàng Giang thì gặp Kỷ, Kỷ nói:

- Thái sư ngồi trùm cả quân thần, cho ai sống được sống, bắt ai chết phải

chết, nếu không sớm trừ đi, e bất lợi cho xã tắc. Ông nên lo liệu trước đi kẻo nữa ăn năn không kịp.

Võ Văn Dũng vốn tin trọng Văn Kỳ, liền nghe theo. Về đến Phú Xuân, không vào triều, lén cho mời Phạm Công Hưng và Nguyễn Văn Huân đến bàn mưu giết Bùi Đắc Tuyên. Nhận thấy rõ ràng lòng tàn nhẫn và tính phản phúc của Tuyên, Hưng và Huân cùng lo ngại đến thân phận của mình, bèn hưởng ứng ngay lời Dũng. Đêm ấy kéo quân đến vây dinh Thái sư. Chẳng ngờ đêm ấy Tuyên có việc ngủ lại trong cung. Bọn Dũng vây luôn cả cung và đòi Cảnh Thịnh giao Tuyên. Không tránh được, Cảnh Thịnh đành bắt Tuyên nạp. Dũng hạ ngục Tuyên, rồi một mặt cho Nguyễn Văn Huân vào Quy Nhơn bắt con Tuyên là Bùi Đắc Trụ, một mặt giả chiếu ra Bắc Hà bắt Ngô Văn Sở giải về Phú Xuân. Dũng cho rằng ba người Tuyên, Trụ, Sở mưu phản, nên đóng cũi nhốt, đem dìm xuống sông Hương .

Vua Cảnh Thịnh biết là oan nhưng không sao ngăn cản được đành gạt nước mắt khóc thầm.

Trần Quang Diệu đang vây thành Diên Khánh nghe tin lập tức vượt biển về Phú Xuân. Võ Văn Dũng cùng Nội hầu Nguyễn Thế Tứ đem quân bản bộ ra đóng ở bờ phía bắc sông Hương, ý mệnh vua, chống nhau với quân Trần Quang Diệu đóng ở An Cựu bên bờ phía nam sông Hương.

Võ Đình Tú lấy tình quen thân cả đôi bên xin vua Cảnh Thịnh được phép đứng ra hòa giải, nhờ vậy mà Võ Văn Dũng cùng Trần Quang Diệu nói lại tình xưa. Cả hai kéo binh vào thành bệ kiến Cảnh Thịnh. Vua phong Võ Văn Dũng làm Đại Tư Đồ. Trần Quang Diệu làm Thái Phó.

Đầu tháng 5 năm Kỷ Mùi (1799), thành Quy Nhơn bị vây. Trấn thủ Lê Văn Thanh chống không nổi nên cầu cứu Phú Xuân. Võ Văn Dũng cùng Trần Quang Diệu kéo vào đến Quảng Nghĩa thì bị binh Viêt Phước chặn lại tại Thạch Tân. Thừa lúc tối Võ Văn Dũng đem quân theo đường Trung xá mưu đánh úp quân Tổng Viêt Phước. Chẳng ngờ khắp nơi đều có quân đóng giữ, canh phòng cẩn mật, nên binh Võ Văn Dũng thua to. May nhờ Trần Quang Diệu cứu ứng kịp thời, Võ Văn Dũng mới thoát nạn. Vì vậy Quy Nhơn thất thủ và thành được đổi tên là thành Bình Định. Võ Văn Dũng và Trần Quang Diệu được lệnh lui về giữ Quảng Nam. Nhân việc mất Quy Nhơn, bọn Trần Viêt Kiệt, Hồ Công Diệu sàm tâu với Cảnh Thịnh là tại Trần Quang Diệu không chịu cứu ứng, nên Quy Nhơn mới mất và xin sai người mang mật thư vào Quảng Nam bảo Võ Văn Dũng bắt Diệu giết đi. Dũng được thư tự nghĩ:

- Tội là tội của mình. Trần huynh đã có lòng tốt không cáo giác, sao mình lại nỡ lòng hại ân nhân thà đắ tội cùng vua còn hơn phạm tội vong ân bội nghĩa.

Bèn đưa thư cho Diêu xem. Diêu kéo quân về kinh trị tội bọn gian tà, rồi trở lại Quảng Nam.

Tháng giêng năm Canh Thìn (1800), Võ Văn Dũng hợp cùng Trần Quang Diêu vào được Quy Nhơn. Võ Văn Dũng cầm thủy binh đứng giữ cửa biển Thị Nại để Trần Quang Diêu công thành.

Võ Văn Dũng đem chiến thuyền Đinh Quốc và hơn trăm chiến thuyền nhỏ ra đóng giăng ngang cửa biển. Hai pháo đài Ghềng Ráng và Phương Mai bấy lâu bỏ hoang được Dũng cho sửa sang lại và đặt súng đại bác để canh phòng.

Năm Tân Dậu (1801) Nguyễn Phúc Ánh kéo binh ra đánh mạnh, tấn công hai mặt thủy và bộ.

Về mặt thủy, quân nhà Nguyễn tấn công hai mặt:

- Nguyễn Văn Lương và Tống Phúc Lương đem thuyền nhỏ vượt ra phía bắc Thị Nại vào cửa Cách Thử, lên vào đầm Thị Nại, dùng hỏa công đốt thủy trại Tây Sơn.

- Lê Văn Duyệt và Võ Di Nguy ở ngoài cửa Thị Nại khi thấy lửa cháy thì kéo chiến thuyền đánh ập vào.

Ở Thị Nại, Võ Văn Dũng canh phòng nghiêm ngặt, súng đại bác sẵn sàng nả đạn. Nhưng đang đêm, thành linh thấy thủy trại cháy, vội cho quân đi chữa lửa. Võ Di Nguy trông thấy ánh lửa liền xua quân tiến vào. Súng trên pháo đài bắn xuống, đánh chìm hết đoàn thuyền tiên phong. Võ Di Nguy bị trúng đạn chết. Lê Văn Duyệt đốc binh tiếp theo, liều chết vượt khỏi tầm súng. Lê Văn Duyệt dùng hỏa công, lửa cháy rần rần theo gió tạt vào thuyền Tây Sơn. Gió thổi càng mạnh, lửa cất càng cao. Ánh sáng rực cả mặt biển, ngất cả nghìn dặm mây. Và tiếng súng nổ, tiếng quân la hét vang trời dậy đất, quân nhà Nguyễn bị chết vô số. Thuyền Tây Sơn bị đốt cháy không còn một chiếc. Võ Văn Dũng đại bại, kéo tàn quân lên hợp cùng Trần Quang Diêu giữ những nơi hiểm yếu khác. Nguyễn Phúc Ánh thấy đánh không nổi quân Tây Sơn để cứu thành Quy Nhơn, tuy đã chiếm được cửa Thị Nại, bèn kéo đại quân ra đánh Phú Xuân.

Ngày 27 tháng 5, Trần Quang Diêu hạ được thành Quy Nhơn và thành Phú Xuân trước đó cũng lọt vào tay Nguyễn Phúc Ánh (ngày 3 tháng 5 năm

Tân Dậu).

Nghe tin quân Tây Sơn bị thua ở Nhật Lệ, Trấn Ninh Nguyễn Phúc Ánh hoàn toàn làm chủ đất Thuận Hóa, Võ Văn Dũng cùng Trần Quang Diệu đem 3 ngàn quân cùng 80 thớt voi, theo đường sạn đạo sang Lào để ra Nghệ An vào thượng tuần tháng 3 năm Nhâm Tuất (1802).

Đường đi khó khăn, Lam Sơn chướng khí đầy dẫy, khiến cho đoàn quân càng ngày càng hao hụt. Lốp bị bệnh, lốp bị bọn thổ ty theo nhà Nguyễn tập kích, nên khi đến Nghệ An thì mười phần chỉ còn ba bốn. Đoàn tượng binh chỉ còn mười thớt. Quân tướng hầu hết đều bị sốt rét rừng. Tại Hương Sơn, Võ Văn Dũng cùng Trần Quang Diệu và các tướng bị tướng nhà Nguyễn là Võ Doãn Văn, Lê Đức Định bắt sống.

Ở Diễn Châu, Bùi Thị Xuân hay tin đem nữ binh đi giải cứu. Đến Giáp Sơn thì giải cứu được, nhưng chạy đến sông Thành Chương thì hai vợ chồng Trần, Bùi bị bắt trở lại. Một mình Võ Văn Dũng mở đường máu thoát chạy. Nhưng chạy đến Nông Cống, thuộc Thanh Hóa thì Võ Văn Dũng bị bọn Lê Văn Pháp, Phạm Ngọc Thụy kéo dân địa phương ra bao vây. Với một thanh đoản đao, Võ Văn Dũng đã đánh thắng hai tướng Lê, Phạm xong quá yếu sức vì gian lao đói khát, nên không chống lại đám đông, đành buông đao chịu trôi.

Bộ ba Dũng, Diệu, Xuân bị đóng cũi giải về Nghệ An. Dọc đường, Võ Văn Dũng phá cũi, thoát ra ngoài, ông giải cứu luôn cả hai vợ chồng Trần, Bùi song hai chân của Trần tướng quân bị sung phù, không thể chạy trốn được. Bùi nữ tướng đành ở lại chịu chết cùng chồng.

Một mình Võ Văn Dũng lặn lội xuôi đèo, ngày nghỉ đêm đi, sau nhiều tháng mới về đến quê hương. Trong đêm tối, ông ghé thăm nhà tại Phú Phong, đốt hương lên bàn thờ tổ tiên, rồi âm thầm ra đi. Ông lên sống tại các làng người dân tộc vùng cao trước kia đã từng một thời hợp tác với nhà Tây Sơn, mong có ngày gầy dựng lại cơ đồ.

Các vùng núi Tây Sơn thượng đều lưu vết chân ông. Các thôn Đồng Phó, Hà Nhung thường là nơi ông lưu trú lâu nhất. Tại An Khê ông chiêu mộ được một số người dân tộc thiểu số, lấy hòn Hội Sơn ở Trinh Tường làm căn cứ quân sự. Do đó nhân dân địa phương cũng gọi hòn Hội Sơn là hòn Ông Dũng và gọi tắt là Hòn Dũng.

Khi hợp tác cùng các sắc tộc vùng núi, Võ Văn Dũng ban đầu được sùng bái, sau lần lần vì thế lực của ông không có mà thế quyền Gia Long càng

ngày càng vững mạnh, nên các sắc tộc vùng núi tỏ ý lơ là không muốn hợp tác nữa. Vì vậy, ông bỏ hẳn vùng Tây Sơn thượng trở về hoạt động ở vùng cận quê hương. Các vùng ven sông Côn như Tiên Thuận, Vĩnh Thạnh, Kiên Mỹ đều nằm trong phạm vi hoạt động của ông .

Việc ông đứt đoạn với các sắc tộc vùng Tây Sơn thượng được nhân dân địa phương đưa vào ca dao:

Củ lang Đồng Phó

Đậu phụng Hà Nhung

Chàng bòn thiếp mót bỏ chung một gùi

Chẳng qua duyên nợ sứt sùi

Chàng giận chàng đá cái gùi, chàng đi

Chim kêu dưới suối Từ Bi.

Nghĩa nhơn còn bỏ huông chi cái gùi.

Đó là câu ca dao đã dùng thể tỷ nói về việc chung lưng đấu cật, về việc bất hòa giữa Võ Công và người dân tộc thiểu số.

Để chuẩn bị cho một cú điểm ẩu náu cuối cùng, Võ Công đã đi sâu vào vùng Lộc Đông, Hàm Hồ, tìm những hang động rộng rãi, kín đáo để chuẩn bị cho việc ẩn náu lâu dài. Trong khi hoạt động ở vùng Tây Sơn thượng, Võ Công đã có một thời đến sống trong rừng mộ điều, nhưng sau thấy Cô Hầu không thiết tha đến việc phục hưng nhà Tây Sơn, nên ông đã đón hai con của vua Thái Đức là Văn Đức, Văn Lương và cháu nội là Văn Đầu về ở trong binh trướng. Sau khi người dân tộc không còn hợp tác với ông và có âm mưu phản bội, ông đã đem ba chú cháu Văn Đức lên hòn núi Xanh ẩn náu.

Năm Minh Mạng thứ 12 (1882), tương thời gian đã xóa đi các liên hệ tranh chấp, ba chú cháu Văn Đức về thăm quê hương ở Kiên Mỹ thì bị quan lại địa phương bắt giải về Phú Xuân, giết chết.

Còn lại trơ trọi một mình, Võ Công sống một cuộc đời tiêu điều tự tại, phiêu định nay đây mai đó. Võ Công mất ngày nào, tại đâu, không ai biết rõ. Chỉ biết là Võ Công sống được 90 năm, nhờ vào bài thơ Vịnh Võ Đô đốc của cụ Vân Sơn Nguyễn Trọng Trì, thì sau khi thoát nạn, Võ Công còn sống được 40 năm nữa. Bài thơ ấy như sau:

VỊNH VĨ ĐỒ ĐỐC.

Tạo vật khôn hào kiệt.

Ý tưởng sử hữu vi.

Công danh vị tức ngôn.

Hoặc tác xuất thế ty.

Võ công dũng quán quân.

Bách chiến khởi Tây thù.

Thiên phương yểm trung nguyên.

Đãi phi nhất mộc chi.

Thoát thân tứ thập niên.

Thế nhân thức công thù.

Đản kinh sơn thạch gian.

Hữu thủ hùng báo ty.

Ngã diệc chí phương ngoại.

Bạch đầu vị phùng sư.

Niên niên hạnh phé phóng.

Thảng toại giữ thế từ.

Tùng công du Ngũ Nhạc.

Khê thủ thốn linh chi.

Kim cốt hoán lục tủy.

Khiêm nhiên từng đào phi.

Nghĩa là:

Tạo hóa làm khốn đốn kẻ hào kiệt.

Ý muốn cho họ làm việc gì.

Công danh không đủ nói.

Hoặc giả bày ra cơ hội để họ thoát đời.

Tài đánh dẹp của ông thật quán quân.

Từ biên giới phía Tây nổi lên, trăm trận trăm thắng.

Nhưng trời muốn dứt nửa chừng.

Thì một cây không chống nổi.

Thoát mình khỏi nạn ngót bốn mươi năm.

Người đời ai biết ông?.

Sống lâu ngày trong nơi núi chông đá chát.

Ông có tư thế mạnh như gấu như hùm.

Tôi cũng có ý muốn xuất thế.

Nhưng đã bạc đầu mà chưa gặp được thầy.

Làm quan nay được đuổi về, năm năm rảnh rang.

Muốn thoát khỏi cuộc đời.

Theo ông đi dạo chơi khắp năm ngọn núi tiên.

Cúi đầu ăn cỏ linh chi.

Xương vàng đổi tủy xanh.

Nhẹ nhàng bay lên nhánh tùng.

2 - Võ Đình Tú

Võ Đình Tú, người thôn Phú Phong, huyện Tuy Viễn. Con nhà giàu, tính hào phóng, lòng dạ chân thật, can đảm hơn người. Từ thuở nhỏ, gia đình đã rước thầy về nhà học văn lẫn võ.

Năm 14 tuổi, trong thôn bỗng nhiên xuất hiện một nhà sư mặt mày xấu xí, ăn bận rách rưới, thường đến ngồi nơi nhà ngõ họ Võ. Trẻ con trong làng hề trông thấy nhà sư thì kéo nhau đến chọc ghẹo. Mặc cho lũ trẻ hò reo, làm nhiều điều phiến toái, nhà sư vẫn ngồi xếp bằng tĩnh tọa, mắt nhắm nghiền. Chọc chán mà không thấy phản ứng, chúng bèn kéo nhau bỏ đi.

Riêng Võ Đình Tú thì lại có thái độ rất kính trọng và thương mến nhà sư. Khi nhà sư đến thì Tú hoặc bung cơm nước hoặc bánh trái đến cúng dường. Nhà sư hoan hỉ mà nhận. Tuy nhiên, hai người không hề nói với nhau một lời.

Một hôm, trời nổi mưa to gió lớn, mọi người không ai dám ra đường. Mưa tầm tã suốt ngày. Đêm đến, mưa tạnh gió ngừng, người trong nhà không thấy Tú đâu cả. Mà ngoài ngõ nhà sư cũng biệt tăm.

Cho người đi khắp nơi, hết ngày này đến ngày khác vẫn không tìm thấy tông tích. Người nhà quyết đoán là Tú đã bị nhà sư bắt cóc. Đành thấp nhang cầu trời phạt gia hộ cho Tú mà thôi.

Mười năm sau. Tú trở về, thành một thanh niên vạm vỡ, sức mạnh như hùm, nhưng vẫn giữ được tính tình chân hậu, chất phát. Mới trông qua không ai biết rằng đó là một võ lâm cao thủ.

Tú về nhà đóng cửa đọc sách, không giao du với ai, trừ Võ Văn Dũng. Hai người là bạn tâm đắc. Gặp nhau ngoài chuyện bàn luận võ nghệ còn thường hay đàm luận thời thế. Nhà giàu, võ nghệ cao cường, song Tú vẫn không thích lập gia đình. Nhiều lúc đóng cửa đi giao du hàng tháng mới về.

Về võ nghệ, Tú thông thạo đủ mọi loại: côn, kiếm, thương, quyền v.v... Về quyền thì thiên về ngành quyền, môn này rất thích hợp với thân vóc và sức mạnh của Tú. Ngoài môn cưỡi ngựa bắn cung, Tú nổi danh về môn sử dụng thiết côn. Khi múa côn giữa trời mưa, người Tú không hề dính một

hạt nước. Một mình Tú có khả năng đánh cả hàng ngàn người. Bà Bùi Thị Xuân có tặng Võ Đình Tú một lá cờ đào thêu bốn chữ vàng "Thiết côn tướng quân".

Khi Võ Văn Dũng về với Tây Sơn, Dũng giới thiệu Tú cùng Tây Sơn Vương. Vương thân hành cưỡi ngựa đến nhà thăm viếng và mời về hợp tác. Trong doanh trường Tây Sơn, Tú rất tâm đắc với Nguyễn Huệ, được Huệ thương yêu như ruột thịt. Ngày ngày cùng nhau đàm đạo võ nghệ, binh pháp. Khi nhà Tây Sơn khởi nghĩa, Võ Đình Tú được phong chức Đại Tổng lý cùng với Bùi Thị Xuân quản lý vùng Tây Sơn và phòng thủ doanh trại.

Năm 1778, Nguyễn Nhạc xưng đế, phong Võ Đình Tú chức thái úy.

Vua Quang Trung khi ra Thuận Hóa thì đem Tú theo. Khi ấy Bùi Đắc Tuyên mới làm Thị Lang Bộ Lễ, nhưng vì là em ruột của Bùi hoàng hậu nên được ra vào cung cấm tự do. Tuyên thường bày nhiều trò chơi để mua lòng Thái tử Nguyễn Văn Toản. Vốn biết Võ Đình Tú có tài nhảy cao, Tuyên xúi Quang Toản yêu cầu Tú biểu diễn cho xem.

Võ Đình Tú là một vị khai quốc công thần theo nhà Tây Sơn từ thuở còn áo vải, chớ đâu phải hàng tiểu tốt mà đi làm trò mua vui cho trẻ con. Nhưng Thái tử Toản sẽ là vị vua tương lai của mình, nên Võ công đâu giám không tuân lệnh.

Công rước thái tử ra đứng giữa sân, trong tòa dinh thự hình chữ môn, mặt hướng về dãy nhà phía tả, Công dặm chân nhảy vút qua phía tả trong chớp mắt. Liền đó, Thái tử nghe tiếng động sau lưng, quay lại thì đã thấy công đứng đó rồi. Công lại dặm chân nhảy vút qua ngôi nhà phía hữu và lại nhảy trở về trong chớp mắt. Diễn đi diễn lại nhiều lần mà sắc mặt vẫn không thay đổi, hơi thở vẫn đều hòa. Thái tử Toản rất thích thú.

Một hôm, Võ Đình Tú cùng Đặng Xuân Phong vào cung bệ kiến vua Quang Trung. Biết rằng đó là hai tướng nổi danh tuyệt kỹ về đánh côn, Bùi Đắc Tuyên liền tìm cách mua vui cho thái tử. Tuyên lấy tư cách người đồng châu, mời Võ, Đặng đến nhà riêng uống rượu. Thái tử cũng được rước đến. Tiệc rượu được khoản đãi vào buổi chiều. Tiệc xong, Thái tử đòi xem hai vị đại thần đấu côn.

Đuốc được thắp sáng rực cả sân. Đặng sử dụng côn đồng, Võ sử dụng côn sắt. Đường côn qua lại nhanh như chớp, mạnh như gió bão, đẹp như "rồng bay phượng múa". Gia tướng đến xem chật cả trong lẫn ngoài. Tiếng hoan hô hòa với tiếng vỗ tay vang dậy cả một góc thành .

Sau cuộc đấu côn này, dư luận xôn xao. Lớp thì khen hai vị công thần tài nghệ tuyệt luân, xứng danh với "Tây côn lưỡng thần công". Lớp thì chê bai hai vị đại thần không biết tự trọng. Lờl thị phi bay đến tai vua Quang Trung. Nhà vua liền quở trách Thái tử và hai vị đại thần Võ, Đặng, rồi cấm Bùi Đắc Tuyên không đượ bày các trò vui làm mất thể thống các quan đại thần như thế nữa.

Vua Quang Trung mất, Cảnh Thịnh nổi ngôi. Bùi Đắc Tuyên đượ sủng ái lên làm Thái sư, mỗi ngày một thêm lộng quyền. Quan trong triều người nào ngả theo Tuyên thì đượ ưu đãi, người ra mặt chống thì bị hại, người nào thờ ơ thì bị đẩ đi xa. Tình hình trong triều lộn xộn, bè phái chống đối lẫn nhau. Võ Văn Dũng đang trấn thủ Bắc Hà bị gọi về và nhân đó diệt luôn Bùi Đắc Tuyên và đồng bọn. Trần Quang Diệu lại kéo binh về. Hai bên sắp đánh nhau thì Võ Đình Tú lấy tình quen thân cả đôi bên, xin phép vua Cảnh Thịnh đứng ra hòa giải.

Trước tiên, Tú đến gặp Dũng, phân tích sự lợi hại của hai đại thần chống cự lẫn nhau:

- Sở dĩ Diệu phải bỏ Quy Nhơn kéo thủy binh về là chỉ lo cho kinh thành có biến loạn. Nay Diệu về rồi thì xin cho đến gặp để hiểu rõ nguyên nhân.

Tiếp theo, Tú bơi thuyền qua sông Hương, đến An cự gặp Diệu. Tú phân tích sự chuyên quyền của Bùi Đắc Tuyên sẽ làm hư sự nghiệp của nhà Tây Sơn, nên Dũng phải ra tay hủy diệt. Bây giờ chỉ còn một việc hàn gắn lại tình đoàn kết của các đại thần, để cùng chung lo để việc đánh thắng quân Nguyễn Phúc Ánh.

Nhờ vậy mà Dũng và Diệu kết nối lại tình xưa, cùng đem nhau vào bộ kiến vua Cảnh Thịnh. Cả ba điều đượ Cảnh Thịnh phong chức và lo việc triều đình. Nhưng Cảnh Thịnh lại ưa nghe lời dèm pha, bèn phong cho Võ Đình Tú chức Bình bộ Tham tri vào coi quân ở Phú Yên và Quy Nhơn, để phân tán lực lượng có thể chống đối mình là bộ ba: Diệu, Dũng, Tú.

Tháng 4 năm Kỷ Mùi (1799), Nguyễn Phúc Ánh đem binh vào cửa thị Nại. Võ Tánh và Nguyễn Huỳnh Đức đem quân lên đóng ở Hàm Long, thuộc huyện Tuy Phước.

Núi Hàm Long, còn gọi là núi Cần Úc, là một độc sơn, không cao lớn, nằm trong phạm vi thôn Thuận Nghi, hình giống như đầu rồng, miệng há rộng. Con sông Hà Thanh chạy từ Nam ra Bắc, qua khỏi núi thì quanh xuống đông, chảy ra đầm Thị Nại, tạo thành cánh cung ôm lấy chân núi.

Võ Đình Tú đang đi kinh lý ở Phú Yên, được tin quân Nguyễn Phúc Ánh đổ bộ Quy Nhơn, vội kéo quân về, đi thẳng lên Cần Úc đánh quân Võ Tánh. Hai bên kịch chiến suốt hai ngày đêm. Võ Tánh trá bại, Nguyễn Huỳnh Đức phục binh trên núi. Võ Đình Tú giục quân đuổi theo. Tên trên núi bắn xuống như mưa, chen vào có nhiều súng nổ, quân Tây Sơn trúng tên, lớp chết, lớp bị thương. Võ Đình Tú tả đột hữu xông, cây thiết côn tủa thành một đạo thanh quang gạt phẳng hàng vạn mũi tên bắn vun vút vào người, vào ngựa. Nhưng gạt được tên mà không gạt được đạn đồng. Võ trúng đạn, máu chảy đầm mình. Đuối sức nằm gục trên lưng ngựa. Ngựa hí một tiếng dài, nhảy khỏi chiến trường, chạy một mạch về quê hương Tú ở Phú Phong. Đến nhà thì ngựa ngã lăn ra chết, Võ Đình Tú cũng đã lạnh hết chân tay.

Đó là vào cuối tháng 4 năm Kỷ Mùi (1799).

3 -Trần Quang Diệu

Một hôm Trần ở Hoài Ân vào Kiên Mỹ để thăm Nguyễn Nhạc. Vượt qua Kim Sơn theo đường núi, Trần đến vùng Thượng Ninh thì gặp một con cạp tàu cau to lớn đón đường. Vì không mang đao theo, nên Trần phải đánh tay không với cạp từ sáng cho đến trưa. Trần dần dần đuối sức, mình đầy vết thương, bê bết máu me. Đang lúc lâm nguy thì gặp được Bùi Thị Xuân cùng đệ tử đi săn. Thấy cảnh người và hổ đánh nhau, người sắp bị cạp vồ, nên Bùi thị hét lên một tiếng, rút song kiếm xông vào đánh nhau với cạp cuối cùng, cả hai liên thủ hạ được cạp.

Thoát chết, Trần yêu cầu được đưa về Kiên Mỹ, đến nhà Nguyễn Nhạc. Nguyễn Nhạc và Bùi Thị Xuân vốn đã nghe danh nhau, song chưa có dịp làm quen. Nhờ cạp theo gió, gió đưa duyên mà nên nghĩa "vườn đào": Nguyễn, Trần, Bùi.

Rồi để cho nghĩa thêm nặng, tình thêm thâm, Nguyễn Nhạc đứng làm mai và làm luôn chủ hôn để Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân nên vợ nên chồng.

Từ đó, Trần Quang Diệu ở luôn tại Kiên Mỹ, cùng Nguyễn Nhạc xây dựng cơ đồ.

Năm Tân Mão (1771), Nguyễn Nhạc được tôn làm Tây Sơn vương. Trần Quang Diệu cùng Nguyễn Huệ, Võ Văn Dũng phụ trách quân sự: mộ quân và huấn luyện.

Một hôm, nhân về Hoài Ân thăm nhà, gặp và kết bạn với một tráng sĩ sau này là một tướng giỏi của nhà

Tây Sơn. Đó là Võ Văn Nhậm.

Võ Văn Nhậm, gốc Quảng Nam, sức mạnh hơn người, võ nghệ giỏi, tánh phóng khoáng không chịu ràng buộc. Nhậm vốn là kỳ tướng của quan Trấn thủ Quảng Nam. Vì không tuân theo luật pháp nên bị tội, bỏ trốn vào Quy Nhơn. Khi đến Phù Ly, Nhậm nghe người đi đường cho biết có tên cường hào cường ép một thôn nữ về làm tì thiếp. Nhậm nổi giận, rút gươm chém chết tên thổ hào rồi định đến cửa quan nhận tội.

Bỗng một tráng sĩ võ vai:

- Đệ xem huynh, chí khí tài lực đủ định loạn thiên hạ dễ dàng. Giết một con sâu dân, thì có chi gọi là tội mà toan bỏ cái tài hữu dụng? Sao không đến Tây Sơn vương để chung lo việc lớn. Đệ là Trần Quang Diệu, xin tiên cử huynh lên nhà vua.

Võ Văn Nhậm hớn hờ theo Trần Quang Diệu lên Tây Sơn. Tây Sơn vương trọng dụng và sau này gả con gái là Thọ Hương cho Nhậm.

Ngày rằm tháng tám năm Quý Tị (1773), Tây Sơn vương đi xuất binh đánh Quy Nhơn. Trần Quang Diệu được phong chức Đô Đốc cùng phó Đô Đốc Võ Văn Dũng, Đô Đốc Lê Văn Hưng thống lãnh một đạo binh xuống núi có nhiệm vụ đánh chiếm miền Bắc Quy Nhơn.

Trần Quang Diệu phân binh làm ba đội:

Một đội do Lê Văn Hưng chỉ huy, ở hậu phương làm lực lượng trừ bị.

Một đội do Võ Văn Dũng cùng Cao Tất Tựu đi đánh Bồng Sơn.

Một đội do Trần Quang Diệu chỉ huy, cùng La Xuân Kiều đi đánh Phù Ly.

Hai huyện lỵ Bồng Sơn và Phù Ly, khi nghĩa quân kéo đến chưa đánh đã tan. Quân cũng như dân hai huyện đều hân hoan đón tiếp nghĩa quân.

Để Võ Văn Dũng ở lại cùng hai học sĩ Cao, La trấn giữ hai huyện lỵ, Trần Quang Diệu kéo đại binh vào hợp với Tây Sơn vương đánh thành Quy Nhơn. Nguyễn Nhạc tìm kế chiếm được thành. Trần Quang Diệu vào giữ thành để binh Nguyễn Nhạc đi tảo thanh các vùng ngoại thành.

Tháng 11 năm Quý Tị (1773), quân chúa Nguyễn do Phò mã Nhất chỉ huy

đánh vào Quy Nhơn. Trần Quang Diệu phụ trách phòng vệ thành Quy Nhơn, để Nguyễn Nhạc xuất chinh. Có Tập Đình và Lý Tài phụ trợ, Nguyễn Nhạc đã đánh tan quân chúa Nguyễn.

Cuối năm ấy, Tư Linh và Nhung Huy tạo phản, Trần Quang Diệu đem quân đánh dẹp, bắt được cả hai đem về Quy Nhơn.

Trần Quang Diệu là người có kiến thức rộng, tầm nhìn xa. Năm Giáp Ngọ (1774), Nhạc sai Lý Tài vào trấn thủ Bình Thuận, Trần Quang Diệu can:

- Lý Tài là người tàu, vốn là giặc bề, bụng dạ khó lường, không nên cho đi xa cầm binh. Cọp thêm vi và đi xa thì khó bắt lại.

Nguyễn Nhạc không nghe. Sau quả nhiên Lý Tài bỏ Bình Thuận vào Nam đầu hàng chúa Nguyễn, gây rối một thời rồi mới bị Nguyễn Huệ đánh cho tan nát. Khi Nguyễn Nhạc xưng đế, Trần Quang Diệu được phong chức thiếu phó.

Năm 1784, Nguyễn Phúc Ánh cầu viện quân Xiêm sang đánh Gia Định. Trần Quang Diệu cùng vợ là Bùi Thị Xuân theo Nguyễn Huệ vào Nam tảo thanh quân Xiêm. Tại trận Rạch Gầm, Xoài Mút, Trần Quang Diệu thống lĩnh bộ binh cùng vợ đánh tan bộ binh Xiêm và chiến tướng Lục Cồn.

Sau khi trở về Quy Nhơn, Trần Quang Diệu theo vua Quang Trung ra Thuận Hóa và trấn thủ thành Phú Xuân, khi vua Quang Trung ra Bắc Hà tiêu diệt quân Mãn Thanh.

Lúc thắng trận trở về, vua Quang Trung đã giao phó cho Trần Quang Diệu ứng phó với các nước láng giềng: Xiêm La, Ai Lao và Miến Điện.

Nguyên khi vua Lê Chiêu Thống chạy sang Tàu, Lê Duy Chỉ ở lại Tuyên Quang, nương nhờ thổ tù Nùng Phúc Tân và Huỳnh Văn Đồng. Duy Chỉ liên kết với các thổ dân ở Vạn Tượng, Trấn Ninh, Trịnh Cao, Qui Hợp, Xiêm La chuẩn bị đánh lấy thành Nghệ An.

Trần Quang Diệu được cử làm Đại tổng trấn cùng Đại Tư lệ Lê Trung đem binh tảo trừ.

Tháng 6 năm Canh Tuất (1790), Quang Diệu lấy được Trấn Ninh, bắt tù trưởng Cheo Nan và Cheo Kiêu.

Tháng 8 bình được Trịnh Cao và Qui Hợp.

Tháng 10 tấn công Vạn Tượng, buộc thủ lĩnh bỏ thành chạy trốn, thu được vô số chiêng, trống và vài chục thớt voi.

Thừa thắng, Quang Diệu đánh thẳng đến biên giới Xiêm La, chém được Tả súy Phan Dung, Hữu súy Phan Siêu. Binh Xiêm thua chạy tán loạn.

Trần Quang Diệu và Lê Trung đẹp yên biên giới, kéo binh về Tuyên Quang đánh Nùng Phúc Tân và Huỳnh Văn Đồng. Nùng, Huỳnh chống không nổi, bị chém tại trận tiền. Lê Duy Chỉ trốn không thoát cũng bị giết luôn.

Mùa xuân năm Tân Hợi (1791), vua Ai Lao là Chiêu Ân không chịu triều cống, Trần Quang Diệu lại được cử đem binh sang vấn tội. Trận ra quân này có nữ tướng Bùi Thị Xuân tháp tùng.

Quân Ai Lao chống cự không lại, sợ hãi xin hàng. Ở lại bình định một thời gian, hai vợ chồng kéo binh về nước, chuẩn bị sang đánh Miến Điện. Vua Miến Điện hay tin, liền sai sứ sang Việt Nam xin thông hiếu, từ ấy bờ cõi phía Tây cũng như phía Bắc được yên ổn.

Trong những ngày ở Thuận Hóa, hai vợ chồng Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân được vua Quang Trung tin dùng.

Trong một kỳ thi võ, mở tại kinh đô Phú Xuân, có một võ sinh tên Lê Sĩ Hoàng rất xuất sắc.

Lê Sĩ Hoàng, người Quảng Nam, võ nghệ siêu quần, sức mạnh vô địch. Lúc nhỏ, nhà nghèo đi chăn trâu cho một nhà giàu trong thôn, nhà gần núi, trâu bị cạp bắt, Sĩ Hoàng sợ chủ bắt đền, bỏ trốn vào núi, gặp được dị nhân truyền thụ võ nghệ. Lê có tài sử dụng đại đao.

Lúc thi song, thấy Hoàng có tài và nhất là sử dụng đại đao điêu luyện, vua Quang Trung bèn sai Trần Quang Diệu ra tỉ thí. Quang Diệu cũng là một cao thủ về đại đao. Thanh Huỳnh Long đao được khiêng ra và Lê Sĩ Hoàng cũng sử dụng thanh đại đao của mình.

Được dịp trở tài, anh hùng hội ngộ, hai tay đại đao trở hết tài ba võ học của mình. Bóng đao loang loáng khí lạnh bao trùm, cuộc tỉ thí vô cùng dũng mãnh hào hứng. Võ học cũng như sức mạnh hai anh hùng tương đương nhau, nên cuộc tỷ đao kéo dài và bất phân thắng phụ. Vốn cũng giỏi sử dụng đại đao, vua Quang Trung cao hứng, sai quân hầu mang thanh Ô Long đao ra, đòi tỉ thí với Lê Sĩ Hoàng. Sĩ Hoàng cung kính thưa:

- Với Trần tướng quân, hạ thân còn không địch nổi, huống chi với bệ hạ.

Vua Quang Trung đặc ý võ vai Hoàng, nói:

- Đây là Hứa Chử của ta.

Rồi cởi chiếc cảm bào đang mặc, ban cho Lê Sĩ Hoàng.

Trần Quang Diệu cùng Lê Sĩ Hoàng được đòi tôn xưng là Tây Sơn Song Đao.

Sau khi chiến thắng Ai Lao trở về, Trần Quang Diệu được bổ làm trấn thủ Nghệ An.

Mùa xuân năm Nhâm Tý (1792), vua Quang Trung ngã bệnh, bèn triệu Trần Quang Diệu về thương nghị việc dời đô về Nghệ An và chuẩn bị đem quân vào Nam đánh Nguyễn Phúc Ánh, nhưng tháng 7 thì vua Quang Trung băng hà. Cảnh Thịnh lên ngôi, gặp thời cơ chiếm thành Quy Nhơn, khiến vua Thái Đức uất mà chết. Trong lúc đó quân nhà Nguyễn chiếm được Diên Khánh và Phú Yên.

Năm Giáp Dần (1794), Trần Quang Diệu được lệnh đem binh vào đánh Diên Khánh, Lê Văn Hưng đánh Phú Yên.

Nghe danh Trần Quang Diệu, trấn thủ Diên Khánh là Nguyễn Văn Thành không dám ra nghênh chiến, đóng chặt cửa thành cố thủ và cho người cấp báo với Gia Định. Thành Diên Khánh được xây dựng kiên cố, Trần Quang Diệu công phá không được, bèn bao vây, đợi trong thành hết lương. Gia Định được tin. Nguyễn Phúc Ánh kéo đại binh ra tiếp cứu. Trần Quang Diệu lui quân.

Tháng giêng năm Ất Mão (1795), Trần Quang Diệu lại đem thủy bộ binh vào đánh Diên Khánh. Lúc bấy giờ Võ Tánh đã thay thế Nguyễn Văn Thành, nên đem quân ra giao chiến vài bận, liệu đánh không lại nên đóng chặt cửa thành cố thủ, đợi Gia Định cứu viện. Tháng 2, Nguyễn Phúc Ánh đem thủy binh ra cứu.

Quân Nguyễn Phúc Ánh bị Trần Quang Diệu chặn tại Trường Cá (Phương Sài), nên phải đóng ngoài biển Nha Trang và các nơi hiểm yếu trên đất. Quân không tiến lên Diên Khánh được.

Thành Diên Khánh bị Quang Diệu vây chặt. Đoàn quân nào kéo ra cũng bị Tây Sơn tiêu diệt hoặc đánh lui. Quân hai mặt không thể liên lạc được với nhau, ưu thế nằm hẳn trong tay Trần Quang Diệu. Chợt Trần Quang Diệu tin được Phú Xuân có biến. Bùi Đắc Tuyên lộng quyền, Võ Văn Dũng đem binh về tiêu diệt, nội tình Phú Xuân rối ren.

Trần Quang Diệu nghe tin thất kinh, nói cùng các tướng:

- Chúa thượng là người thiếu cương quyết, để cho đại thần giết lẫn nhau. Nếu trong không yên thì đánh ngoài thế nào được!

Bèn ra lệnh rút quân về. Đi đường núi sẽ lâu, lại không tiện, Trần Quang Diệu phải mở cửa đường biển, theo gió nam mà đi cho mau, Nguyễn Phúc Ánh không dám cản đường.

Đến Phú Xuân, Trần Quang Diệu đóng tại An Cựu, định đánh nhau với Võ Văn Dũng, song nhờ có Võ Đình Tú hòa giải, nên cùng Dũng vào bộ kiến Cảnh Thịnh. Trần Quang Diệu được phong chức Thái Phó, là một trong Tứ trụ Đại thần (Võ Văn Dũng, Nguyễn Văn Danh, Nguyễn Văn Huân), nhưng rồi có người dèm cùng Cảnh Thịnh rằng Diệu nắm quyền quan trọng quá, e có ý khác, Cảnh Thịnh thu hết binh quyền, chỉ để Diệu giữ hư vị trong triều mà thôi. Diệu sinh nghi kỵ thường cáo bệnh không đi châu, ngày đêm cắt kẻ thù hạ gần 200 người mang vũ khí bên mình để bảo vệ.

Tháng tư năm Kỷ Tị (1799), Nguyễn Phúc Ánh lại kéo quân ra đánh Quy Nhơn, tướng Lê Văn Thanh cố thủ chờ cứu viện.

Trần Quang Diệu cùng Võ Văn Dũng từ Phú Xuân kéo binh vào. Đến Quảng Nghĩa thì bị Tống Viết Phước chặn đánh. Dũng thua to, nhờ có Quang Diệu cứu ứng. Thành Quy Nhơn chờ viện binh không được, nên Lê Văn Thanh mở cửa thành đầu hàng. Nguyễn Phúc Ánh đem chém tất cả hàng tướng và đổi tên thành Quy Nhơn ra thành Bình Định. Võ Tánh và Ngô Tùng Châu đồng trấn thủ. Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng lui về giữ Quảng Nam.

Nhân vụ dèm pha và thư của Cảnh Thịnh gửi vào cho Võ Văn Dũng, bảo giết Diệu. Dũng đưa thư cho Diệu xem, xem xong Diệu nổi giận:

- Chúng ta đã đem hết lòng hết sức ra phò vua. Vua đã không nghĩ đến công lao thì chớ, còn đem lời siểm nịnh, hết phen này đến phen khác, sẵn tay giết chết chúng ta? Tình thế không thể kéo dài mãi mãi. Tôn huynh hãy ở lại đây ngừa giặc, tôi về kinh.

Trần Quang Diệu về đóng binh ở phía Nam sông Hương. Cảnh Thịnh cho ra vờ. Diệu không phụng mệnh. Nhà vua sợ hãi, phải nhờ đến nữ tướng Bùi Thị Xuân. Bùi nữ tướng đến gặp chồng. Vợ chồng bàn với nhau:

- Mỗi họa trong triều chỉ có bọn gian thần gây nên. Tận diệt bọn ấy thì mỗi

giềng lập lại không đến nỗi khó.

Trần Quang Diệu xin vua bắt bọn gian thần trị tội.

Trần Văn Kỳ đổ tội cho Trần Viết Kiệt và Hồ Công Diệu, rồi trốn mất. Nhà vua sai bắt Diệu và Kiệt đem nạp cho Quang Diệu, Quang Diệu mới chịu vào triều làm lễ cần, rồi lãnh đại binh vào Nam.

Tháng giêng năm canh Thân (1800), Trần Quang Diệu vào Quảng Nam, hợp vào Võ Văn Dũng cùng vào Quy Nhơn, nhưng đến Bình Định, cũng bị quân Tống Viết Phước cản lại. Quang Diệu bèn sai người ra Trà Khúc lấy binh của Nguyễn Văn Giáp và hợp sức với Trấn thủ Quảng Nghĩa là Nguyễn Văn Lộc, tìm cách phá đường vào Quy Nhơn.

Nguyễn Văn Lộc biết rõ địa thế nơi ranh giới Quảng Nghĩa, Bình Định, bèn đề nghị chia quân ra làm ba đạo:

- Một đạo đi ngả đèo Bến Đá.
- Một đạo theo đường hẻm phía Tây núi Sa Lung.
- Một đạo theo nẻo tắt xuyên qua núi Cung Quăng.

Ba đạo đồng lần lượt nổi trống, đánh chiêng và la ó, làm cho địch khiếp sợ, hoang mang, không biết phải chống đỡ ngả nào, rồi ba mặt giáp công chắc chắn địch phải thua.

Trần Quang Diệu y kế, nên qua khỏi đèo Bến Đá thẳng đến thành Quy Nhơn.

Võ Tánh đem quân ra đánh. Đã từng bại tướng nơi Diên Khánh, nên vừa xáp trận, Quang Diệu đã rượt Võ Tánh chạy dài, vào thành đóng cửa cố thủ. Trần Quang Diệu một mặt cho bao vây công kích, một mặt phân công cho Võ Văn Dũng cầm thủy binh giữ cửa biển Thị Nại.

Quân nhà Nguyễn đã có tên, lại có đạn ở trên thành bắn xuống, quân Tây Sơn không thể đến gần chân thành. Trần Quang Diệu cho đắp trường lũy xung quanh thành, vây khốn. Nguyễn Phúc Ánh kéo đại binh ra cứu viện. Song bị quân Tây Sơn ngăn cản, nên phải dừng quân và phải lui về Gia Định. Rồi ba tháng sau lại kéo quân ra đánh lại. Tuy lần này thủy quân chiếm được cửa biển Thị Nại, song cũng không thể tiến quân giải cứu thành Bình Định, bèn kéo đại binh ra đánh Phú Xuân.

Trần Quang Diệu sau khi đánh bật Nguyễn Văn Thành và Huỳnh Đức ra khỏi Quy Nhơn, bèn ráo riết công thành.

Quân mệt mỏi, tên đạn cạn, lương thực thiếu, Võ Tánh liệu không tử thủ được nữa, bèn viết thư ra cho Trần Quang Diệu, yêu cầu lúc vào thành đừng sát hại quân dân vô tội. Rồi tự vận cùng với Ngô Tùng Châu. Trần Quang Diệu vào thành, ban lời khuyên dụ, rồi cho thu hài cốt hai vị trung thần của nhà Nguyễn chôn cất theo lễ.

Mặt Bắc, Nguyễn Phúc Ánh chiếm được Phú Xuân, sai Lê Văn Diệt, Lê Chất vào cứu Quy Nhơn, bị Nguyễn Văn Lộc đánh bại, phải dùng quân ở Thạch Tân và cửa biển Thị Nại. Thành Quy Nhơn vẫn yên ổn. Thế quân hai bên ghìm nhau.

Chợt Trần Quang Diệu được tin quân Tây Sơn bị thua ở Nhật Lệ, Trấn Ninh, Nguyễn Phúc Ánh làm chủ hoàn toàn đất Thuận Hóa thì thất kinh, bàn cùng các tướng:

- Binh mã đã bị hao ở Trấn Ninh và Nhật Lệ quá nhiều, lực lượng ở Bắc thành không còn mấy. Nếu Nguyễn Phúc Ánh kéo quân đến đánh thì Bắc thành không thể trì thủ được lâu. Ta phải đem quân về cứu, kéo Bắc thành thất thủ nữa thì Quy Nhơn có giữ vững cũng không ích gì. Vậy nên bỏ thành Quy Nhơn. Võ tướng quân cùng tôi kéo đại binh ra Bắc, Nguyễn Quang đem quân đóng ở Dương An. Nguyễn Văn tướng quân về đóng ở Kỳ Sơn, để chia bớt lực lượng của quân Nguyễn. Không nên đóng quân trong thành mà bị địch bao vây.

Sắp đặt xong, Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng cùng các bộ tướng đem 3.000 quân và 80 thớt voi theo đường thượng đạo sang Lào để ra Nghệ An vào thượng tuần tháng 3 năm Nhâm Tuất (1802). Đường đi khó khăn, lội suối vượt đèo, phần lam sơn chướng khí, phần rắn độc thú dữ, phần bị bọn thổ ty theo nhà Nguyễn như Hà Công Thái, Nguyễn Đình Ba... đột kích. Đoàn tùy tùng Trần tướng quân hao hụt dần dần. Khi đến Nghệ An thì mười phần chỉ còn ba bốn. Đoàn tượng binh chỉ còn mười thớt. Tướng sĩ hầu hết bị sốt rét rùng. Trần Quang Diệu bị phù thũng hai chân sưng vù, đi đứng khó khăn.

Quân họ Trần kéo xuống Hương Sơn. Tướng nhà Nguyễn là Võ Doãn Văn, Lê Đức Định dẫn mang binh đến tập kích. Trở tay không kịp, quân sĩ bị giết sạch. Trần Quang Diệu cùng Võ Văn Dũng và các bộ tướng đều bị bắt.

Ở Diễn Châu, Bùi nữ tướng nghe tin liền đem nữ binh đi giải cứu.

Đến Giáp Sơn thì giải cứu được, song đến Thanh Chương thì hai vợ chồng Trần tướng công bị bắt giải về Nghệ An.

Tháng 7 năm Nhâm Tuất (1802) Trần Quang Diệu chịu thọ hình lột da. Trần tướng quân trước sau vẫn giữ vững bản sắc anh hùng, đi đứng hiên ngang, thái độ khẳng khái. Cự hình lột gia là một cách hành hạ tội nhân vô cùng đau đớn, khổ sở trong cái chết đến từ từ. Không một tiếng kêu rên, một lời than thở, tướng công Trần Quang Diệu can đảm nhận chịu cực hình cho đến hơi thở cuối cùng.

4- Nguyễn Văn Tuyết

Nguyễn Văn Tuyết người xã Nhơn Ân, huyện An Nhơn.

Lúc nhỏ có sức mạnh, ưa thích đánh nhau với lũ trẻ trong thôn, bao giờ cũng thắng. Lớn lên tập tụ các tay anh chị ở chợ Gò Chàm, chuyên khuấy phá xóm làng, được bầu làm đại ca. Các phiên chợ tại chợ Gò Chàm thường rất đông người mua bán. Bầy nhóm của Tuyết hoạt động rất qui củ. Những kẻ lạ mặt đến buôn bán phải ra mắt Tuyết rồi mới được cất lều buôn bán. Những kẻ làm nghề mãi võ, bán thuốc đều làm đúng theo lệ.

Một hôm, một ông già râu tóc bạc phơ trắng như bông vải cùng hai cô gái mặt mày đẹp đẽ, đến chợ mãi võ. Ông già không theo lệ cũ, vừa đến liền khua chiêng khai diễn. Cô gái nhỏ múa kiếm vun vút, khí lạnh rợn người. Người đến xem đông như kiến và tiếng vỗ tay hoan hô dậy trời.

Nguyễn Văn Tuyết nghe tin, dùng dùng nổi giận, liền kéo mười tên thủ hạ, đến vãn tội ông già. Ông già, hỏi không thềm nói, đánh không thềm đỡ, đứng trơ trơ như một tượng đá trời trồng. Tuyết thất kinh bỏ về nhà, tìm cách rửa hận. Ông già và hai cô gái trú tạm tại miếu thổ địa ở sau chợ, Tuyết đợi đến đêm khuya, giắt kiếm vào lưng, nhảy tường vào miếu. Bốn bề im phăng phắc. Hai cô gái ngủ say. Ông già ngủ ngáy như sấm. Tuyết khễ lén đến gần, rút kiếm đâm vào cổ ông già. Kiếm gãy kêu đánh rắc. Tuyết hoảng sợ chạy trốn. Ông già níu lại. Tuyết run sợ, quỳ xuống chịu tội. Ông già ngồi dậy nói:

- Nhà ngươi tư chất thông minh, lại có sức mạnh xuất chúng. Sao không lo rèn võ luyện văn, để chờ cơ hội ra giúp nước, mà lại đắm mình trong vũng bùn nhơ?

Tuyết lạy, thề quyết tâm hối cải và van xin được theo làm môn đồ.

Ông già tên Trần Kim Hùng là một võ sư thôn Trường Định, huyện Tuy Viễn. Võ nghệ tuyệt luân, song vì con trai mất sớm, nên dẫn hai cháu nội đi giang hồ hầu tìm nhân tài truyền thụ võ công.

Gặp được Nguyễn Văn Tuyết, Trần lão sư rất vừa lòng. Tuyết theo Trần lão ra đi. Trên đường ngao du sơn thủy, Tuyết được thầy ngày đêm rèn luyện thập bát ban võ nghệ cùng truyền các kinh nghiệm của giới giang hồ.

Một hôm, trên một đỉnh dốc cao, hai thầy trò gặp một tảng đá chặn đường, một bên là vực thẳm một bên là sườn núi, nên muốn đi qua phải đẩy được tảng đá xuống vực. Để thử sức và mưu trí của trò, Trần lão liền bảo Tuyết đẩy tảng đá. Tuyết vâng lời, hai tay ôm tảng đá, vận sức xô xuống vực. Quả là một thanh niên có sức mạnh như Hạng Võ, Tuyết đẩy được tảng đá nghiêng dần dần về phía vực. Bỗng nhiên đánh rầm một tiếng, đất nơi bờ vực rời ra và sụt xuống, lối nhanh tảng đá lăn theo. Tuyết đang vận sức xô tới, nên lỡ đà, loạng choạng sắp nhào theo. Nhanh như chớp, Trần lão đã nhảy đến bên cạnh Tuyết. Tay tóm lấy cổ áo, chân đạp mạnh vào tảng đá đang rơi làm điểm tựa, nhảy ngược lối theo Tuyết về phía sau.

Sau một lúc định thần, Tuyết được thầy chỉ dạy:

- Khi tảng đà lung lay sắp đổ, lực đẩy của con vẫn còn và tiếp tục xô ra. Lúc thành linh đất rơi, con sẽ bị hút hẫng và dường như con trở lại bị tảng đá lôi theo. Cho nên khi ấy con phải nhanh chóng thu hồi nội lực, dùng tảng đá làm điểm tựa để nhảy vọt về sau. Cần phải đạp lên tảng đá một cách hết sức nhẹ nhàng, nếu đạp mạnh, con sẽ rơi theo hòn đá. Thế đạp này giống như con chuồn chuồn khê động vào mặt nước lúc đang bay để cất cánh vút bổng lên.

Nguyễn Văn Tuyết nhờ theo thầy sống nhiều ở các khu vực núi rừng nên kinh nghiệm và chiến đấu trong rừng núi học được rất nhiều.

Sau 5 năm theo thầy, Tuyết được ân sư cho về nguyên quán để lập nghiệp. Bọn đồ đảng cũ tụ hội đón mừng. Tuyết sau đêm tiệc vui hội ngộ đã khuyên anh em đồng đảng giải tán, tìm công ăn việc làm lương thiện. Một số sau này theo Tuyết quy phục nhà Tây Sơn.

Một hôm, Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát nam tuần đến Quy Nhơn. Nghe đồn chúa Nguyễn có con tuần mã tên Xích Kỳ, Tuyết đợi đêm khuya lên vào hành cung bắt ngựa rồi lên yên chạy thẳng lên vùng An Khê. Trời vừa hừng sáng thì ngựa đã qua khỏi đèo Vĩnh Viễn. Con Xích Kỳ là công vật của Cao Miên, chúa rất yêu quý. Ngựa bị mất trộm, Tuần phủ Nguyễn Khắc Tuyên bị tội chết. Nhờ Trương Phúc Loan ra sức cầu xin mới được miễn. Tuyên cho người đi tìm khắp Quy Nhơn, Phú Yên, Quảng Nghĩa, nhưng không tìm ra bóng dáng. Khi xa giá chúa Nguyễn trở về Phú Xuân thì trong Dinh tuần phủ Quy Nhơn bỗng thấy hiện trên vách mấy chữ lớn:

"Kẻ trộm ngựa Chúa là Nguyễn Văn Tuyết ở Tuy Viễn". Tuyên xem thấy, hết hồn. Dặn tả hữu đừng tiết lộ, việc được im.

Tuyết sau khi theo thầy học thành tài, trở về Tuy Viễn, những mong cứu đồng bào ra khỏi ách chuyên chế của chúa Nguyễn, song không biết làm cách nào, đành ôm ấp mộng mà chờ người đồng khí đồng phương. Kịp khi nghe tin Tây Sơn vương chiêu mộ hào kiệt, Tuyết liền đem bộ hạ lên sơn trại đầu quân và rất được hoan nghênh.

Tại đây, Tuyết gặp lại Trần Thị Lan, cô cháu gái của sư phụ đang sống cùng với chị dưới trướng Bùi Thị Xuân. Họ cùng nhau kết duyên trăm năm.

Khi Nguyễn Nhạc xưng vương, Nguyễn Văn Tuyết được phong tả Đô đốc, cùng với Hữu Đô đốc Nguyễn Văn

Lộc tháp tùng Nguyễn Nhạc tấn công huyện Tuy Viễn. Chiếm được huyện lỵ, Nguyễn Văn Tuyết ở lại trấn giữ.

Khi Nguyễn Huệ ra Thuận Hóa rồi Thăng Long thì Nguyễn Văn Tuyết cũng đi theo và lập được nhiều công trạng. Sau khi bình định Thăng Long, Đô đốc Tuyết ở lại Bắc thành cùng với Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân.

Tháng 10 năm Mậu Thân (1788), ba đạo quân Mãn Thanh tiến vào Thăng Long, Tây Sơn tạm thời lui quân. Nguyễn Văn Tuyết cưỡi Xích Kỳ về Phú Xuân báo cáo tình hình.

Ngày 25 tháng 11, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế. Nguyễn Văn Tuyết lãnh chức Đại Đô đốc cùng với Đại Đô đốc Nguyễn Văn Lộc thống lãnh đạo tả quân kiêm cả bộ binh lẫn thủy quân. Tuyết giữ nhiệm vụ kinh lược Hải Dương, ứng tiếp mặt Đông.

Ngày mồng bốn tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789), đồng một loạt với các cánh quân khác, Đại Đô đốc Nguyễn Văn Tuyết đã tấn công đạo quân Thanh đóng ở Hải Dương. Trại giặc vỡ tan, quân lính bị tiêu diệt, lính bị đập lên nhau mà chạy. Chạy một mạch thẳng về Tàu. Diệt xong giặc ngoại xâm, Đại Đô đốc Nguyễn Văn Tuyết về Phú Xuân. Vua Quang Trung mất, ông cùng bà Bùi Thị Xuân phò vua Cảnh Thịnh lo việc trấn giữ kinh thành. Sau hai vợ chồng được cử ra gìn giữ Bắc thành.

Tháng 6 năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn Phúc Ánh rầm rộ kéo đến Thăng Long. Liệu chống không nổi, Đại Đô đốc Tuyết cùng phu nhân đưa vua Bửu Hưng cùng cung quyến sang sông Nhị Hà, chạy lên vùng núi phía Bắc, có Đô đốc Nguyễn Văn Tứ và Tư mã Nguyễn Văn Dung theo hộ giá. Đoàn ngự giá đến Xương Giang, bị quân Nguyễn bao vây. Hai ông bà Đại Đô đốc Tuyết phá được vòng vây phò xa giá chạy thoát được mươi dặm thì

Lê Chất kéo quân kỵ mã đuổi theo kịp. Nhớ tình quen biết cũ, Nguyễn Văn Tuyết đã trao đổi với Lê Chất về nghĩa vua tôi, song Lê Chất vin vào thù cha mà khước từ. Không thể thuyết phục được, Nguyễn Văn Tuyết đành ra lệnh cho phu nhân phò xá vua Bửu Hưng chạy trước còn mình ở lại đánh nhau với Lê Chất.

Nguyễn Văn Tuyết với cây ngân côn tung hoành ngang dọc giữa lớp lớp quân nhà Nguyễn bao vây. Lê Chất đối với Văn Tuyết có phần thua kém, song nhờ binh đông tướng nhiều, nên càng kéo dài cuộc chiến đấu, Nguyễn Văn Tuyết càng tuyệt vọng.

Thình lình một viên đạn trúng vào chỗ ngực của Nguyễn Văn Tuyết. Con Xích Kỳ cũng liên tiếp bị thương.

Chủ tướng nhào xuống ngựa. Xích Kỳ cũng quy theo.

Đó là ngày 16 tháng 6 năm Nhâm Tuất (1802).

5 - Lê Văn Hưng

Lê Văn Hưng người thôn Kiên Dõng, huyện Bình Khê (Tây Sơn), cách thôn Kiên Mỹ một thôn (Thuận Nghĩa).

Là một võ sĩ có sức mạnh và sở trường về môn đánh côn (hay gọi là roi trường). Thuật đánh roi của ông Hưng rất mãnh liệt. Khi đánh ra một đòn, hàng trăm người không đỡ nổi. Binh khí đụng đến đường roi, lớp văng lớp gãy. Người thì bị bươu đầu, gãy tay. Môn đánh đòn giải vây này được truyền từ ông cố họ Lê. Tại Bình Định sau này còn lại một truyền nhân có thể sử dụng đòn roi giải vây này của họ Lê là ông Hồ Ngạnh ở Thuận Truyền. Tính đến đời ông Hồ Ngạnh là tám đời.

Tại An Nhơn cũng có một tay roi xuất sắc, đó là ông Khách Bút và truyền nhân là ông Hương mục Ngạc. Song, thế roi của ông Khách Bút là lối đánh song đầu, nghệ thuật cao, tay roi lẹ. Còn thế roi họ Lê dùng sức mạnh đánh với đông người. Một lần ra đòn, hàng chục mạng người mang thương tích.

Vốn là một thanh niên sức mạnh, giỏi võ nhưng thiếu học, tánh khí lại ngang tàng, nên Lê Văn Hưng sớm trở thành một người sống ngoài vòng pháp luật. Tuy sống bằng nghề cướp bóc, nhưng Hưng vẫn được nhân dân địa phương quý mến, bởi vì ông và thuộc hạ không bao giờ khuấy phá đồng bào trong vùng. Thuộc hạ có đến vài mươi, song chưa hề có lời than vãn về hành tung của nhân dân trong huyện Tuy Viễn. Vì Hưng và thuộc hạ chỉ đi "làm ăn" ở khác huyện hoặc khác tỉnh.

Là người có mưu lược nên việc nghiên cứu thăm dò hiện trường khi đã

hoàn toàn vừa ý, Hưng mới khởi xướng "xuất hành". Trong đám cướp, Hưng luôn luôn là tay roi cản hậu...

Một hôm, Hưng tổ chức một vụ cướp lớn ở Phú Yên, khổ chủ giàu có lại biết võ nghệ và trong nhà gia nhân và lực điền đều có rèn luyện võ nghệ. Việc cướp diễn ra như ý muốn. Sau khi không chế được gia chủ, gia nhân cùng trai tráng và chủ nhân đuổi theo bọn cướp. Gặp nhau ở giữa đồng. Hưng ở lại sau, bị 30 người bao vây. Đánh ngang ngọn roi, Hưng tạo thành một vòng tròn, càng lúc càng rộng ra. Rồi sử dụng thế roi "toàn phong táo diệp", Hưng đánh văng roi một số đông trai tráng. Ý mình có "đôi miếng trong mình", nên khổ chủ vừa lặn vào đánh vừa đôn đốc một số còn lại nhào vô. Hưng nương tay đã nhiều lần, nhưng đôi phương vẫn liều mạng bám sát. Trời gần sáng mà trận chiến vẫn chưa giải quyết xong, Hưng đành phải dùng tận lực đánh dữ dội để rút theo đồng bọn. Cuối cùng, khổ chủ trúng một roi, hộc máu chết tươi.

Trong các vụ cướp trước đây, quan nha ít lưu tâm, nhưng vụ cướp lần này gây ra án mạng, nên chánh quyền không thể bỏ qua. Biết thủ phạm là Hưng, Tuần phủ Phú Yên hợp lực cùng Tuần Phủ Quy Nhơn cho truy nã gắt gao. Hưng đành bỏ nhà trốn vào rừng. Nhân Tây Sơn vương mộ binh, Hưng bèn đến ghi danh nhập ngũ. Trong khi tập luyện, ông đã gây chú ý cho các viên tướng chỉ huy như biểu diễn thuật cưỡi ngựa không yên cương, lên xuống ngựa đang chạy nhanh, nhất là môn bắn cung trên mình ngựa. Do đó chức vụ trong quân đội mỗi ngày một thăng và cuối cùng ông trở thành võ tướng phụ trách huấn luyện kỹ thuật đánh roi cho nghĩa binh.

Năm 1773, Nguyễn Nhạc xưng vương, Lê Văn Hưng được phong Đề đốc theo Đô đốc Trần Quang Diệu và Đô đốc Võ Văn Dũng kéo quân ra chiếm huyện Lý Bồng Sơn và Phù Ly, rồi cùng tiến đánh thành Quy Nhơn. Mùa Đông năm ấy, Đề đốc Hưng theo Chinh nam Đại tướng quân Ngô Văn Sở vào đánh chiếm ba phủ Phú, Diên, Bình. Sau khi đại thắng, Lê Văn Hưng được cử trấn thủ đất Diên Khánh.

Mùa thu năm Giáp Ngọ (1774), viên Lưu thủ đất Long Hồ trong Nam là Tổng Phước Hiệp cử đại binh ra đánh Tây Sơn.

Quân nhà Nguyễn đánh chiếm Bình Thuận, rồi tiến ra Diên Khánh. Trấn thủ Lê Văn Hưng đem binh cự địch. Sau nhận thấy địch quân đông và có trọng pháo yểm trợ, liệu không thắng nổi, bèn bỏ thành trống, rút toàn lực lượng về Phú Yên, hợp cùng Nguyễn Văn Lộc chống địch.

Quy Nhơn được cấp báo, Nguyễn Huệ kéo quân giải vây. Hai bên liên lạc với nhau, cùng hợp lực công kích hai đầu, đánh tan thủy, bộ binh của Tổng Phước Hiệp. Tổng bỏ chạy về Gia Định. Lê Văn Hưng lại trở vào trấn thủ

Diên Khánh.

Năm Mậu Tuất (1778), Nguyễn Phúc Ánh chiếm được thành Sài Côn, rồi sai Lê Văn Quân kéo quân ra đánh Bình Thuận. Từ khi Lý Tài làm phản, Bình Thuận giao cho Lê Văn Hưng kiêm nhiệm trấn thủ, nên bị mất dễ dàng. Nhưng khi ra đến Diên Khánh thì bị Lê Văn Hưng chặn đánh, phải thối lui vào Bình Thuận. Lê Văn Hưng truy kích, đánh cho một trận toi bời. Lê Văn Quân kéo tàn quân chạy về Gia Định, từ ấy quân Nguyễn rất sợ Lê Văn Hưng và Nguyễn Phúc Ánh gọi Hưng là Lê Vô Địch.

Cuối năm Canh Tý (1780), Nguyễn Phúc Ánh xưng vương, năm sau (1781) cử binh đánh Diên Khánh. Tôn Thất Dụ kéo binh từ Bình Thuận ra đến Diên Khánh, chưa kịp hạ trại đóng quân thì bị Lê Văn Hưng cho đoàn voi chiến xông trận. Đoàn voi này do bà Bùi Thị Xuân huấn luyện, rồi tăng phái cho Lê Văn Hưng một đội thiện chiến để phòng bị mặt Nam. Quân nhà Nguyễn vốn đã sợ uy danh Lê Văn Hưng, nay lại thấy đoàn voi dũng mãnh ào ạt tiến đến dày xéo, nên khiếp đảm rùng rùng bỏ chạy. Quân nhà Nguyễn chưa đánh đã tan.

Đầu năm Quý Mão (1783), Nguyễn Phúc Ánh lại trở về Gia Định tổ chức quân ngũ, sai người sang Xiêm cầu viện. Nghe được tin này Nguyễn Nhạc sai Lê Văn Hưng tháp tùng Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ và Trương Văn Đa vào đánh Gia Định.

Thủy binh Tây Sơn đến cửa Cần Giờ, đợi lúc thủy triều dâng, gió từ biển thổi mạnh vào đất. Tiền quân Châu Văn Tiếp dùng hỏa công chống trả song thất bại tại đồn thủy binh Dác Ngư. Tướng trấn giữ là Tôn Thất Mậu đem quân ra giao chiến, song chỉ một vài hiệp liền bị Lê Văn Hưng giết chết. Nguyễn Phúc Ánh bỏ Gia Định chạy về Ba Giồng. Qua đến tháng 4 hai bên đánh nhau tại Đông Tuyên (Kiến An, Định Tường). Quân Nguyễn vừa thấy quân Tây Sơn hùng hổ kéo đến thì đã muốn chạy trốn. Do đó mới vừa giáp trận thì binh liền tan rã. Lê Văn Hưng tả xông hữu đột, bắt sống được tướng Nguyễn Huỳnh Đức lập công đầu. Nguyễn Phúc Ánh chạy trốn ra Phú Quốc. Lê Văn Hưng theo Nguyễn Huệ về Quy Nhơn.

Sau khi vua Quang Trung đánh thắng quân Thanh, Lê Văn Hưng được triệu về Phú Xuân.

Năm Giáp Dần (1794), vua Cảnh Thịnh sai Lê Văn Hưng vào đánh Phú Yên. Lê Văn Hưng kéo đến đèo Cù Mông thì gặp Nguyễn Quang Huy.

Nguyễn Quang Huy người Phú Yên, thiện dụng cây móc câu bạc, gọi là ngân câu, thường ưa cưỡi ngựa bạch. Quân sĩ thường gọi là Bạch mã Ngân

câu Tướng quân. Huy đã có sức mạnh lại tinh thông võ nghệ, giỏi binh pháp, được vua Thái Đức ái trọng, phong chức phòng ngự sử cho vào trấn Bình Thuận.

Tháng 3 năm Quý Sửu (1793), Nguyễn Quang Huy bị đại binh Tôn Thất Hội tấn công. Ít quân, cô thế, Quang Huy phải rút quân về Phú Yên, chiếm cứ một vùng hiểm yếu trong dãy Cù Mông đợi dịp lập công chuộc tội. Khi gặp được nhau, hai bên vui mừng vì tình bạn cũ, vì có người tài giỏi giúp sức, nên đã đánh chiếm Phú Yên được dễ dàng. Lê Văn Hưng đề Nguyễn Quang Huy ở lại trấn thủ Phú Yên, kéo quân về Phú Xuân.

Tại Phú Xuân, thái sư Bùi Đắc Tuyên dựa vào sự tin cậy của Cảnh Thịnh, quyền thế của Bùi Thái Hậu, nên càng ngày càng lộ hành.

Lê Văn Hưng vì người đồng châu, tánh tình thật thà, bảo sao nghe vậy. Hưng vốn không có học, chỉ giỏi việc đánh nhau, không thích bàn chuyện triều chính, nên được Bùi Đắc Tuyên trọng dụng.

Nguyên Lê Văn Hưng lúc còn trẻ, chưa đi làm ăn cướp, có ở nhờ nhà họ Dương trong thôn. Hưng giao tình với người tứ gái của chủ nhà tên là Ngọc Bích. Hưng tặng cho Ngọc một chiếc nhẫn vàng hẹn năm năm sau đến cưới, song mãi mưu đồ sự nghiệp nên Hưng lổi hẹn. Chờ đến ngày hẹn mà không thấy tình lang, Ngọc Bích nhịn ăn mà chết.

Trong trong thời gian trấn thủ Diên Khánh, Hưng thường nhớ đến tình xưa. Có kẻ giỏi thuật thần tiên chiêu hồn Ngọc Bích lên. Hồn hẹn cùng Hưng rằng 13 năm sau sẽ đến hầu khăn túi.

Về Phú Xuân, Lê Văn Hưng được Bùi Đắc Tuyên trọng dụng. Một hôm trong buổi lễ mừng sinh nhật của Hưng, một thương gia giàu có tại Phú Xuân đem đến mừng một ca cơ hiệu Ngọc Bích. Hưng cho là một chuyện hy hữu, vì chẳng những tên trùng mà dung nhan cũng phảng phất người tình cũ nhà họ Dương. Hưng cầm tay vuốt ve thì trông thấy nơi ngón tay đeo nhẫn ở bàn tay trái có vết hằn sâu như vết một chiếc nhẫn. Do đó tình thương yêu càng nồng đằm.

Tính tình của Lê Văn Hưng rất trung thực, nên dù được thái sư Bùi Đắc Tuyên biệt đãi song càng ngày Hưng càng thấy rõ Tuyên là một kẻ đại gian thì có thái độ phản đối mạnh.

Bùi Đắc Tuyên nhận thấy Lê Văn Hưng không còn là con bù nhìn để mình khuynh loát, sai khiến nữa, nên tìm cách xúc xiểm vua Cảnh Thịnh trừ đi.

Nhân Lê Văn Hưng sau khi thắng trận ở Phú Yên, giao thành cho Nguyễn Quang Huy trấn thủ, rút quân về Phú Xuân. Tuyên khếp tội Hưng là không thỉnh mệnh trước, cấu kết nha traõ hầu mong làm vây cánh, có ý muốn tạo phản, tâu vua chém đầu răn chúng. Vua Cảnh Thịnh nghe lời chuẩn tấu. Lê Văn Hưng ung dung nhận lấy cái chết.

Sự việc này đã dẫn đến việc Võ Văn Dũng từ Bắc Hà về Phú Xuân bắt giết cha con Bùi Đắc Tuyên, Bùi Đắc Trụ và Ngô Văn Sở.

Nội tình nhà Tây sơn đang rối ren lại càng mau tan rã.

6 - Lý Văn Bru

Lý Văn Bru còn gọi là Mưu, người làng Đại Khoang, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, nhà giàu, nổi danh từ thuở niên thiếu.

Vùng Đại Khoang là một vùng rộng lớn, người thưa giáp ranh với vùng Thuận Truyền, Thuận Hạnh, huyện Tây Sơn, cũng đất rộng người thưa. Vùng này gò đồng kéo dài, cây đại gai gốc mọc đây, chen lẫn với chà là, sim, ổi, nên rất thích hợp với việc săn bắn và nuôi bò, ngựa. Vì vậy, gia đình ông Lý Văn Bru chuyên về việc chăn nuôi ngựa. Ngựa của họ Lý bán khắp nơi, kể cả tỉnh Phú Yên, Quảng Nghĩa.

Nhà giàu có, buôn bán rộng rãi, nhất là ở trong một vùng xa xôi hẻo lánh, nên để đề phòng trộm cướp, nhà nuôi nhiều thanh niên và thầy dạy võ. Cho nên Lý Văn Bru được rèn luyện võ nghệ từ thuở ấu thơ. Ngoài võ nghệ ông còn chuyên về cưỡi ngựa và huấn luyện ngựa. Phần đông ngựa của ông nuôi đều chọn giống rất kỹ lưỡng và nuôi dưỡng rất công phu. Thượng khách ở các tỉnh xa thường đến mua ngựa phải đặt hàng trước hàng năm. Tài nuôi ngựa chiến của gia đình họ Lý được truyền từ đời ông cao tổ. Nhờ ở kinh nghiệm, tài thiên tư và địa thế thuận tiện như đất đai rộng, có gò, có cây lớn cây con mọc chen nhau từng vùng từng đám, có suối, có hồ, nên rất thích hợp cho bày ngựa chiến trở thành tuấn mã.

Các tay hào kiệt đến với ông rất nhiều, một phần vì mến tài đức, võ nghệ, một phần vì ngựa tốt. Nhìn tướng mạo, tầm vóc, tính nết của khách hàng, ông đã chọn cho khách được con tuấn mã vừa ý. Người nho nhã phong lưu thì thích ngựa có nước kiêu êm. Kẻ tính tình năng động thì ưa ngựa có nước phi thần tốc... Có người thích ngựa thiên lý để ngày đi trăm dặm mà ngựa không đổ mồ hôi. Lại có những người mua được ngựa hay, xong chưa thuần phục, hay dờ chứng hung hăng ép chủ vô rạo, không chạy theo lệnh của chủ... Đều được đem đến nhờ ông thuần hóa, huấn luyện thành

ngựa hay. Quả nhiên, chỉ trong vòng một tuần lễ thì Lý Văn Bưu đã thuần phục một con tuấn mã. Còn có đôi khi ông cũng là người mua lại ngựa của bọn trộm ngựa ở phương xa đem đến với điều kiện ngựa phải là ngựa tốt, ngựa hay. Một đôi khi chủ ngựa bị mất trộm đến "trường ngựa" của ông xin chuộc lại. Bao giờ ông cũng vui vẻ nhượng lại, sau khi biết rõ đó là chủ cũ của con tuấn mã và là một trang hảo hán anh hùng. Với bọn hào trọc phú hay là bọn bất lương thì ông cho chuộc lại với giá gấp đôi. Có đôi khi xảy ra kiện tụng, song nhờ vào uy tín, giàu có, với một trường ngựa hàng ngàn con thì sự thua kiện của ông chưa khi nào xảy ra.

Võ Văn Dũng năm 20 tuổi cũng đã từng đến trường ngựa này cùng với bạn lái buôn, mua ngựa đem vào Phú Yên bán và chuyện gặp gỡ lão sư họ Trương xảy đến.

Tiếng tăm của họ Lý vang xa, bà Bùi Thị Xuân thường hay đi săn vùng Thuận Ninh đã tìm đến kết bạn. Chẳng bao lâu, họ đã trở nên đôi bạn tâm đắc. Bà Bùi đã học được họ Lý cách nuôi và huấn luyện ngựa chiến. Từ phương pháp huấn luyện ngựa, bà Bùi Thị Xuân đã áp dụng vào việc huấn luyện voi. Đồng thời, bà Bùi đã tiến cử Lý Văn Bưu lên Tây Sơn vương và được trọng dụng. Họ Lý giúp nhà Tây Sơn tổ chức, huấn luyện đoàn chiến mã. Trường ngựa của ông đã biến thành trung tâm nuôi và huấn luyện ngựa trận cho nhà Tây Sơn.

Nhà Tây Sơn khởi nghĩa, Lý Văn Bưu được phong làm Đô đốc.

Trong trận đánh quân Xiêm năm 1784, ông cũng lập được công lớn. Khi quân Thanh kéo vào Thăng Long, ông tháp tùng vua Quang Trung ra Bắc tảo Thanh, phục vụ dưới đoàn quân do Đại Đô đốc Bảo chỉ huy. Lý Văn Bưu đã cùng Đặng Văn Long đem kỵ binh xuyên qua Chương Đức (Hà Đông) để tiến đến làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì (Hà Nội), chiếm cứ hai đồn Yên Quyết và Nhân Mục. Hai đồn này là tiền đồn của Khương Thượng, bị chiếm rất nhanh và yên lặng. Nhờ vậy mà khi đánh đồn Khương Thượng, quân Thanh không hay biết.

Sau khi vua Quang Trung băng hà, tình cảm của nhà Tây Sơn càng ngày càng suy sụp, vua Cảnh Thịnh cướp thành của vua Thái Đức, Bùi Đắc Tuyên lộng quyền, Võ Văn Dũng, Trần Quang Diệu bị nghi ngờ... Trong Nam, nhà Nguyễn mạnh lên, đã nhiều phen xâm lấn đất Quy Nhơn, nạn phe đảng trong triều khiến cho Lý Văn Bưu chán nản và lấy cớ tuổi già sức yếu xin được trở về cố hương, sống trở lại với nghề nuôi ngựa nơi mảnh đất hoang vu, khô cằn, nhưng đầy yên lành. Ngày ngày Lý công cưỡi ngựa rong chơi trên các dãy đồi hoa sim nở tím, tâm hồn thanh thản với trời mây.

7 - Nguyễn Văn Lộc

Nguyễn Văn Lộc người làng Kỳ Sơn, huyện Tuy Viễn. Thuở nhỏ nhà nghèo phải đi ở chăn trâu cho một phú hộ trong làng. Nhờ có sức khỏe và can đảm nên được đàn trẻ cùng bọn tôn làm thủ lĩnh. Ngày ngày chăn trâu ngoài đồng, rảnh rang chuyên đi đánh nhau. Một hôm, vì ham chơi nên để trâu ăn lúa, về nhà bị chủ đánh mắng, hăm dọa, nên bỏ nhà ra đi.

Sau 10 năm trở về đã thành một thanh niên cường tráng, sống bằng nghề làm thuê, gánh mướn.

Một hôm đi chơi về khuya, bị đám canh tuần bắt trói vào cột đình, vu cho là đi ăn trộm. Trong đêm tối, nhân đám dân tuần ngủ quên, Lộc dùng miếng mảnh sành cắt dây trôn thoát. Dân canh tuần hơn 10 người đuổi theo điều bị đánh ngã, không đứng dậy nổi. Trời tối như mực, Lộc chạy lạc vào cánh đồng lúa chín, người giữ ruộng ngỡ là ăn trộm. Hô hoán ầm ĩ, người trong xóm tủa ra vây bắt. Người mỗi lúc mỗi đông, kẻ gậy người hèo, đuốc thắp sáng cả đồng, Lộc dùng tay đánh ngã hết lớp này đến lớp khác, nhưng không thoát khỏi vây. Liệu không thể dùng quyền, Lộc bèn giật lấy một cây roi của một tuần đình rồi dùng chiêu thức đánh giải vây ra sử dụng. Đó là thế "toàn phong tảo diệt". Một ngọn roi vung ra, hàng chục người ngã rạp. Gậy, hèo văng tứ phía. Hoảng hồn, mọi người ùn ùn kéo nhau, xô lẫn nhau mà chạy. Đuốc đang cầm tay vội quăng xuống đất, nhân bóng tối và hỗn loạn, Lộc lẻ làng thoát thân.

Từ đấy, tiếng đồn Nguyễn Văn Lộc võ nghệ siêu phàm được lan truyền.

Khi Tây Sơn vương tụ hội quần anh mưu đồ đại nghiệp, Nguyễn Văn Lộc liền đến gia nhập và được tiếp đãi vào hàng thượng tâu.

Khi Nguyễn Nhạc xưng vương, Nguyễn Văn Lộc được Phong làm Hữu Đô Đốc, cùng với Tả Đô Đốc Nguyễn Văn Tuyết theo đạo binh Nguyễn Nhạc tiến đánh huyện lỵ Tuy Viễn, rồi tấn công thành Quy Nhơn.

Mùa thu năm Quý Tỵ (1773), Nguyễn Văn Lộc tháp tùng Nguyễn Lữ và Võ Văn Cao đi vào Phú Yên, Diên Khánh, Bình Thuận để xem xét tình hình dân chúng và liên lạc với hai vua Thủy Xá, Hỏa Xá, vận động nhân dân địa phương hưởng ứng cuộc Nam tiến của quân Tây Sơn.

Phái đoàn về tâu rõ tình hình: mọi tầng lớp nhân dân ba tỉnh đều chán ghét chế độ độc tài tham nhũng của quan lại nhà Nguyễn, ai nấy đều mong có cuộc đổi thay.

Còn quan quân nhà Nguyễn thì chỉ lo bóc lột nhân dân, không nghĩ gì đến việc an nguy quốc gia, cho nên việc phòng thủ rất lỏng lẻo. Mùa Đông năm ấy, Nguyễn Văn Lộc cùng Lê Văn Hưng theo Chinh Nam tướng quân Ngô Văn Sở vào đánh chiếm ba phủ Phú Yên, Diên Khánh, Bình Thuận. Quân đi đến đâu nhân dân hoan nghênh đến đó. Tướng nhà Nguyễn là Nguyễn Văn Hiến bị giết, Nguyễn Khoa Kiên bị bắt sống. Đại thắng, quân Tây Sơn rút về. Nguyễn Văn Lộc ở lại trấn thủ Phú Yên.

Mùa Đông năm Giáp Ngọ (1774), được tin Châu Văn Tiếp dựng cờ khởi nghĩa tại Trà Lương, huyện Tuy An, Đô đốc Nguyễn Văn Lộc đem quân vây đánh. Quân của Châu Văn Tiếp chưa giáp trận đã tan rã. Tiếp tẩu thoát, leo lên núi thượng đạo vào Gia Định, cung thuận Định vương Nguyễn Phúc Tần.

Mùa thu năm ấy, Tổng Phước Hiệp cử đại binh chiếm Bình Thuận, tấn công Diên Khánh. Lê Văn Hưng trấn thủ Diên Khánh lui quân về Phú Yên, kết hợp với Nguyễn Văn Lộc chờ binh Nguyễn Huệ kéo vào đánh bại thủy, bộ binh của Tổng Phước Hiệp, chiến thắng xong, Nguyễn Văn Lộc theo Nguyễn Huệ về Quy Nhơn.

Năm Bính Ngọ (1786), Nguyễn Văn Lộc được thăng chức Thủy sư Đô đốc theo Tiết Chế Nguyễn Huệ đem đại binh ra đánh Thuận Hóa.

Thành Thuận Hóa do Phạm Ngô Cầu trấn thủ, phó tướng Hoàng Đình Thê phụ tá. Phạm Ngô Cầu là tướng vô mưu lại tham lam, chỉ lo việc vợ vét của dân để làm giàu, còn việc quân thì giao cho kẻ thuộc hạ. Do tính tham lam, lòng đố kỵ, nghi ngờ, nên Cầu đã trúng kế Nguyễn Huệ ly gián giữa Cầu và Đình Thê. Nguyễn Huệ làm một phong thư để gởi cho Hoàng Đình Thê khuyên về hàng Tây Sơn, mà lại bắn vào cho Phạm Ngô Cầu xem. Cầu bắt đầu nghi ngờ Thê.

Khi binh Tây Sơn vây đánh thành Phú Xuân, Ngô Cầu sai Đình Thê đem binh ra đánh, rồi đóng cửa thành không tiếp viện. Thê và hai con cùng tướng sĩ chết tại trận tiền.

Nguyễn Văn Lộc một mình một ngựa xông vào phá cửa thành, vượt qua chướng ngại cùng binh giữ thành, xông thẳng vào dinh trấn thủ. Người ngựa đến đâu, thầy người ngã ra đến đó. Vượt qua cổng dinh, Nguyễn Văn Lộc bắt gặp Phạm Ngô Cầu đang cùng gia đình khuân của cải chạy trốn. Bắt sống được Phạm Ngô Cầu, Nguyễn Văn Lộc lập công đầu.

Thành Phú Xuân vừa hạ xong, Nguyễn Văn Lộc lại lên ngựa cùng Nguyễn Lữ, Võ Văn Nhậm tiến quân đánh lấy các doanh trại thuộc Quảng Trị, Quảng Bình. Chỉ trong mấy hôm, đất Thuận Hóa được bình định xong.

Tháng 6 năm Bính Ngọ (1786), Nguyễn Văn Lộc ở lại giữ thành Phú Xuân cùng với Nguyễn Lữ để Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc Hà diệt chúa Trịnh.

Tháng 11 năm Mậu Thân (1789), Quang Trung lên ngôi Hoàng đế, kéo quân ra Bắc diệt quân Thanh. Nguyễn Văn Lộc được phong Đại Đô đốc chỉ huy cánh quân phía tả, tiến lên Lạng Sơn, Phượng Nhãn, giữ vùng Yên Thế, chặn đường rút lui của địch. Tôn Sĩ Nghị cùng binh tướng trên đường rút chạy về Nam Quan, bị quân của Đại Đô đốc Lộc đánh giết. Tôn Sĩ Nghị phải vứt bỏ tất cả sắc thư, ấn tín để lo chạy thoát thân.

Sau khi vua Cảnh Thịnh lên ngôi, Nguyễn Văn Lộc được cử vào trấn thủ Quảng Nghĩa.

Năm Đinh Tỵ (1797), Nguyễn Phúc Ánh kéo thủy binh ra đánh Quy Nhơn, song thất bại, bèn kéo quân ra đánh Quảng Nam. Thành Quảng Nam bị vây, nhờ có Lâm Thị Bạch cố thủ và viết huyết thư cầu cứu Nguyễn Văn Lộc đem binh ra đánh lui Nguyễn Phúc Ánh, giải vây cho thành Quảng Nam.

Tháng giêng năm Canh Thân (1800), Nguyễn Văn Lộc kéo binh vào kết hợp với Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng vào cứu Quy Nhơn, bị Tống Viết Phước cầm chân tại Bình Đê. Vốn biết rõ địa thế của Quảng Nghĩa, Lộc đã đề nghị chia quân làm ba đạo theo ba ngõ đèo Bến Đá, núi Sa Lung và núi Cung Quăng vượt qua khỏi Bến Đá vào thẳng Quy Nhơn.

Tháng năm năm Tân Dậu (1801), thành Quy Nhơn thất thủ. Trước đó, Phú Xuân cũng thất thủ. Tướng nhà Nguyễn là Lê Văn Duyệt cùng Lê Chất đem quân vào cứu Quy Nhơn, bị Tây Sơn chặn đánh. Sau được tin Thuận Hóa hoàn toàn bị chiếm, Diệu và Dũng đem quân ra Nghệ An. Nguyễn Văn Lộc và Nguyễn Quang Huy đóng ở Dương An.

Kỳ Sơn ở phía Đông Nam thành Quy Nhơn. Đó là một hòn thỏ sơn chạy dài theo hướng Bắc Nam, bao quanh đến vài mươi dặm. Hình núi không đều, hai đầu mở rộng và cao, chính giữa hơi eo và thấp. Ở đầu phía Bắc nổi lên hai đỉnh đứng song song, một là hòn Phụng Sơn, một là hòn Xuân Sơn. Đầu phía Nam cũng có một đỉnh cao gần hai ngọn kia, tên là Mai Sơn. Trên núi gồm nhiều hòn đá lớn và có một cái hầm rộng ăn sâu vào núi, có tên là Qui Khanh tức là Hầm Rùa, vì trước miệng hang có một hòn đá hình giống con rùa. Thế núi rất hiểm trở.

Vốn là người ở Kỳ Sơn, nên Nguyễn Văn Lộc biết rõ những nơi hiểm yếu. Với 80.000 quân, trấn phục hơn 20 cứ điểm hiểm trở, Nguyễn Văn Lộc đã cầm chân hơn 30 vạn quân của Lê Văn Duyệt và Nguyễn Văn Thành. Nhờ

vậy mà thành Quy Nhơn được giữ vững.

Năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn Văn Lộc nghe tin vua Cảnh Thịnh bị bắt, ông tự động giải tán quân sĩ, một mình lên núi Kỳ Sơn ẩn náu, dùng Hàm Rùa làm chôn nương thân.

Nguyễn Quang Huy cũng lên núi Dương An trú ẩn, thỉnh thoảng về Phú Yên thăm quê hương và ra Kỳ Sơn thăm ông Lộc.

Tuy nhà Tây Sơn mất, song Nguyễn Văn Lộc trong lòng vẫn nuôi chí phục hưng. Một hôm, ông Lộc hỏi ông Huy:

- Cựu thần nhà Tây Sơn, văn cũng như võ, còn khá nhiều tay tài tuấn, sao không hợp sức lại cùng lo việc phục hưng. Như thế chẳng hóa ra là không tận trung với cựu chúa hay sao?

Ông Huy đáp:

- Những anh hùng nghĩa sĩ ra giúp nhà Tây Sơn từ ngày mới khởi nghĩa cho đến nay, không ai phụ nhà Tây Sơn. Tất cả đều lo tròn phận sự cho đến giờ chót, như thế là tận trung. Nhà Tây Sơn đã không còn nữa thì chúng ta tận trung với ai? Bầy tôi của vua Lê Chiêu Thống bo bo giữ lòng trung với cố chủ, nổi dậy đánh ở miền Bắc, hết lớp này đến lớp khác đã chẳng lợi gì cho nhà Lê mà còn làm khổ dân hại nước. Phải nghĩ đến dân đến nước trước. Không có thể làm lợi cho dân, cho nước thì nằm yên chớ đừng nên gây rối thêm. Trung với một người, một nhà, mà làm khổ cho dân cho nước thì trung ấy, kẻ chân chính không nên nghĩ đến. Trung ấy không phải là trung.

Nguyễn Văn Lộc nghiệm thấy đúng, nên không còn nuôi mộng phục hưng nhà Tây Sơn nữa.

Từ ấy không còn ai trông thấy ông xuất hiện nữa.

Mây trời năm tháng thong dong.

Tây Sơn Lục Kỳ Sĩ

Trong các bậc kỳ tài đến giúp nhà Tây Sơn, ngoài "Thất hổ tướng", "ngũ phụng thư" còn có "Lục kỳ sĩ". Bao gồm: Võ Xuân Hoài, Nguyễn Thung, Trương Mỹ Ngọc, La Xuân Kiều, Triệu Đình Tiệp, Cao Tắc Tự. Đây là sáu nhân tài về văn chương, học thức sâu rộng, giúp Tây Sơn Vương mưu lược an dân, trị nước, nhất là thời Tây Sơn mới dựng nghiệp.

Nguyễn Thung ở thôn Thuận Nghĩa (Tây Sơn) là người giàu có trong vùng, giỏi chữ nghĩa. Khi Nguyễn Nhạc xây dựng cơ sở khởi nghĩa ở vùng Tây Sơn, ông đem gia tài tặng tất cả cho Nguyễn Nhạc và theo nghĩa quân Tây Sơn. Với tính tình hào phóng, nhân hậu, Nguyễn Thung được rất được lòng mọi người. Sau khi Nguyễn Nhạc lấy được thành Quy Nhơn, xưng vương, ông được bổ làm Tri huyện Tuy Viễn (gồm 3 huyện: Bình Khê, An Nhơn và Tuy Phước). Truyền rằng: khi nhà Tây Sơn sụp đổ, ngôi mộ của ông ở Thuận Nghĩa bị vua Gia Long ra lệnh quân lính khai quật hốt xương cốt đem đổ xuống sông Côn. Tuy nhiên, vỏ mộ được xây kiên cố nên còn tồn tại đến sau này mới hư đổ mất tích do lụt lội.

Võ Xuân Hoài, Trương Mỹ Ngọc, đức cao học rộng là hai ngôi sao về văn học đương thời ở Bình Khê và An Nhơn. Cao Tắc Tụ đẹp người, học rộng tinh thông binh pháp, tính tình điềm đạm. Thường ngày ông ít nói, nhưng khi bàn luận binh pháp thì ông rất sôi nổi, lâu thông kinh sử, mọi người rất kính phục. La Xuân Kiều người Phù Cát, một văn sĩ nổi tiếng trong vùng, giỏi chữ nôm, thông minh hoạt bát, lại có tài cỡi ngựa, bắn cung. Triệu Đình Tiếp, học rộng, ưa thực tế ghét phù hoa, tánh thanh khiết nghiêm nghị, trọng tín nghĩa và giỏi việc cai trị.

Họ là những nhân vật rường cột khi nhà Tây Sơn hình thành, sau này khi sự nghiệp mở rộng thành công, họ là người hoạch định chính sách trị nước, an dân, qui định thi cử có thêm nhiều nhân tài đến với nhà Tây Sơn. "Lục kỳ sĩ" được người đương thời kính trọng, nhà vua tin dùng. Thất hổ tướng, Lục kỳ sĩ, Ngũ phụng thư đã trở thành mười tám viên đá tảng dựng nên nên móng nhà Tây Sơn. Đáng tiếc là sau khi nhà Tây Sơn không còn, sự trả thù của Gia Long vô cùng tàn khốc, những tác phẩm văn chương của họ bị tiêu hủy, không ai dám cất giữ, lưu truyền, nên bị thất lạc. Ngày nay, hầu như ít còn lưu lại dấu tích. Thật là một mất mát của lịch sử và văn hóa nước nhà!

HẾT

Nguồn: <http://lichsubhuyenbivietnam.blogspot.com.au/2013/02/that-ho-tuong-thoi-tay-son.html>

www.vietnamvanhien.net